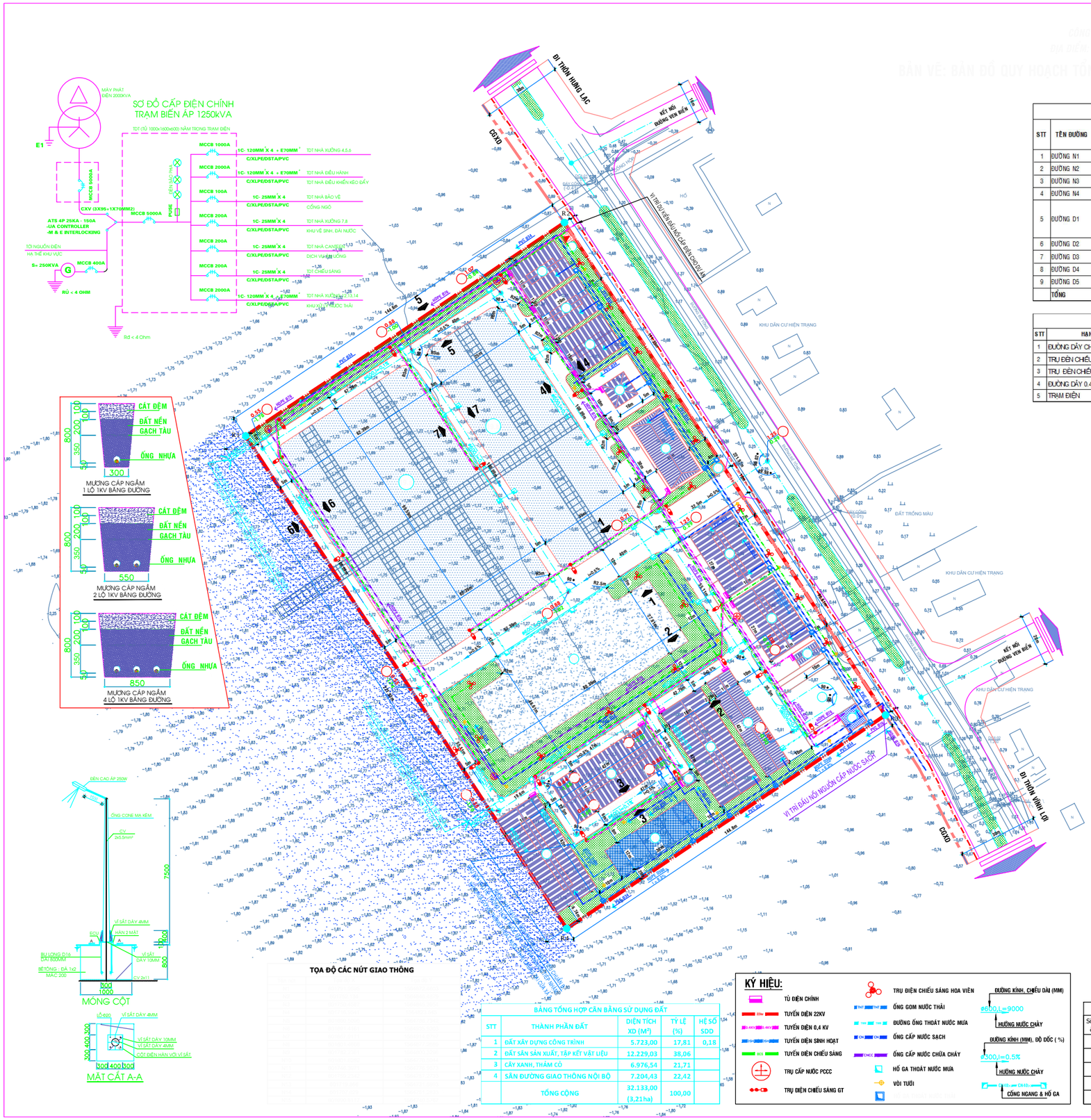

BẢNG THỐNG KÊ ĐƯỜNG GIAO THÔNG

STT	TÊN ĐƯỜNG	LỘ GIỚI (M)	LÒNG ĐƯỜNG (M)	VỈA HÈ PHẢI (M)	VỈA HÈ TRÁI (M)	CHIỀU DÀI (M)	DT MẶT ĐƯỜNG (M2)	DT VỈA HÈ + DPC (M2)	DT ĐƯỜNG (M2)
1	ĐƯỜNG N1	12,0	12,0	0,0	0,0	141,89	1.702,68	0,00	1.702,68
2	ĐƯỜNG N2	5,0	5,0	0,0	0,0	109,39	546,95	0,00	546,95
3	ĐƯỜNG N3	6,0	6,0	0,0	0,0	47,00	282,00	0,00	282,00
4	ĐƯỜNG N4	5,0	5,0	0,0	0,0	107,39	536,95	0,00	536,95
5	ĐƯỜNG D1	5,0	5,0	0,0	0,0	163,20	816,00	0,00	816,00
		10,0	10,0	0,0	0,0	44,50	445,00	0,00	445,00
		17,6	17,6	0,0	0,0	23,00	405,03	0,00	405,03
6	ĐƯỜNG D2	5,0	5,0	0,0	0,0	108,09	540,45	0,00	540,45
7	ĐƯỜNG D3	5,0	5,0	0,0	0,0	163,19	815,95	0,00	815,95
8	ĐƯỜNG D4	5,0	5,0	0,0	0,0	23,50	117,50	0,00	117,50
9	ĐƯỜNG D5	5,0	5,0	0,0	0,0	23,50	117,50	0,00	117,50
	TỔNG					**954,65**	**6.326,01**	**0,00**	**6.326,01**

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CẤU KIỆN CẤP ĐIỆN

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	LOẠI VẬT LIỆU	GHI CHÚ
1	ĐƯỜNG DÂY CHIẾU SÁNG	MÉT DÀI	1210	DÂY ĐỒNG	CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG
2	TRỤ ĐÈN CHIẾU SÁNG HOA VIÊN	TRỤ	22	TRỤ THÉP	CHIẾU SÁNG HOA VIÊN
3	TRỤ ĐÈN CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG	TRỤ	20	TRỤ THÉP	CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG
4	ĐƯỜNG DÂY 0.4 KV	MÉT DÀI	873	DÂY ĐỒNG	CẤP CHO SINH HOẠT, SẢN XUẤT
5	TRẠM ĐIỆN	TRẠM	1		

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CẤU KIỆN CẤP NƯỚC

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	LOẠI VẬT LIỆU	GHI CHÚ
1	ỐNG D76	M	660,0	HDPE	CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY
2	ỐNG D34	M	807,0	HDPE	CẤP NƯỚC SINH HOẠT
3	TRỤ CẤP NƯỚC PCCC	TRỤ	4,0	TRỤ THÉP	PCCC
4	VÒI TƯỚI CÂY	VÒI	19,0	NHÔM	TƯỚI CÂY
5	HỐ GA	CÁI	1,0	BTCT	VỊ TRÍ ĐẤU NỐI

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CẤU KIỆN THOÁT NƯỚC

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	LOẠI VẬT LIỆU	GHI CHÚ
1	ỐNG D400MM	M	130,0	BTCT	CỐNG QUA ĐƯỜNG
2	ỐNG D600MM	M	762,0	BTCT	THOÁT NƯỚC MƯA
3	HỐ GA NƯỚC MƯA	CÁI	39,0	BTCT	THOÁT NƯỚC MƯA
4	ỐNG D200MM	CÁI	393,0	HDPE	THOÁT NƯỚC THẢI
5	HỐ GA NƯỚC THẢI	CÁI	15,0	HDPE	THOÁT NƯỚC THẢI

BẢNG TỔNG HỢP CÂN BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

STT	THÀNH PHẦN ĐẤT	DIỆN TÍCH XD (M²)	TỶ LỆ (%)	HỆ SỐ SDD
1	ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	5.723,00	17,81	0,18
2	ĐẤT SÂN SẢN XUẤT, TẬP KẾT VẬT LIỆU	12.229,03	38,06	
3	CÂY XANH, THẢM CỎ	6.976,54	21,71	
4	SÂN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ	7.204,43	22,42	
	TỔNG CỘNG	32.133,00 (3,21ha)	100,00	

TỌA ĐỘ GÓC RANH GIỚI QH

Số hiệu điểm	Tọa độ X	Tọa độ Y	Cạnh (m)
R1	1564881.967	601594.940	144.80
R2	1564962.515	601715.267	221.93
R3	1564776.622	601836.499	144.80
R4	1564696.073	601716.173	221.93
R1	1564881.967	601594.940	

KÝ HIỆU:

- TỦ ĐIỆN CHÍNH
- TUYẾN ĐIỆN 22KV
- TUYẾN ĐIỆN 0,4 KV
- TUYẾN ĐIỆN SINH HOẠT
- TUYẾN ĐIỆN CHIẾU SÁNG
- TRỤ CẤP NƯỚC PCCC
- TRỤ ĐIỆN CHIẾU SÁNG GT
- TRỤ ĐIỆN CHIẾU SÁNG HOA VIÊN
- ỐNG GOM NƯỚC THẢI
- ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA
- ỐNG CẤP NƯỚC SẠCH
- ỐNG CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY
- HỐ GA THOÁT NƯỚC MƯA
- VÒI TƯỚI
- ĐƯỜNG KÍNH, CHIỀU DÀI (MM): ø600,L=9000
- HƯỚNG NƯỚC CHẢY
- ĐƯỜNG KÍNH (MM), ĐỘ DỐC (%): ø300,I=0.5%
- HƯỚNG NƯỚC CHẢY
- CỐNG NGANG & HỐ GA

0 5M 10M 20M 50M

TỶ LỆ XÍCH

GHI CHÚ:

- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- ĐƯỜNG DỰ KIẾN PHÁT TRIỂN
- CẦU BÊ TÔNG
- CỐNG QUA ĐƯỜNG
- MƯƠNG THOÁT NƯỚC ÂM
- CỬA XẢ NƯỚC
- CỬA ĐÓN NƯỚC
- CỐNG NGĂN TRIỀU
- GÓC VẠT
- BÁN KÍNH CONG BÓ VỈA
- TRẠM ĐIỆN
- KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- CAO ĐỘ THIẾT KẾ: +4.50
- CAO ĐỘ TỰ NHIÊN: +3.10
- GÓC ĐỊNH HƯỚNG
- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- CHỈ GIỚI XÂY DỰNG

HT. 06	GHÉP: 1 x A0	TỶ LỆ: 1 / 500	NGÀY .../.../2021